TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 719/2019/HC-PT Ngày: 11 - 10 - 2019 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Đặng Quốc Khởi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 382/2019/TLPT-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2159/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1966.

Địa chỉ: đường Ng, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm 1957.

Địa chỉ: số 28 Hoàng Việt, khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Theo giấy ủy quyền lập ngày 08/10/2018. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Châu H - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (có đơn xin xét xử vắng

mặt).

Địa chỉ: đường Ph, phường Ph1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Bà Phạm Ngọc Y - Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ph, phường Ph1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: đường T, quận C, thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương H - Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Đinh Việt A - Công tác tại Tổng cục quản lý đất đai theo giấy yêu cầu số 1101/BTNMT-Ttr ngày 14/3/2019 của Bộ Tài nguyên Môi trường. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: đường 27/4, phường Ph2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 - Phụ trách Trạm quản lý bảo vệ rừng T, thị xã P. (có mặt)

2. Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: đường Ph, phường Ph1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn D - Trưởng phòng Giá đất và Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Chi cục quản lý đất đai. (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1931.

Địa chỉ: đường H, khu phố N, Phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: đường H, khu phố N, Phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: M, Phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bà Phan Thị Thanh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 09/01/2002, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Quyết định số 646/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù khi thu hồi 14.462m^2 đất của gia đình bà Phan Thị Thanh Th để làm Khu công nghiệp P 1, huyện T. Theo đó, toàn bộ diện tích này chỉ được hỗ trợ 1000 đồng/m^2 mà không được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất với lý do toàn bộ nằm trong dự án 595.

Gia đình bà Th đã có đơn khiếu nại. Ngày 06/01/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 31/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của gia đình bà Th.

Bà Th tiếp tục khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường. Ngày 08/5/2017, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường ban hành Quyết định số 1021/QĐ-BTNMT ngày 08/5/2017, bác đơn khiếu nại của bà Th.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – bà Phan Thị Thanh Th trình bày:

Diện tích đất thu hồi 14.462m^2 đất diêm nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại khu vực thôn N, thị trấn P, huyện T thuộc thửa 53 tờ bản đồ số 08 thị trấn P, có nguồn gốc do cha bà Th là ông Phan Văn T khai phá từ năm 1974, đến năm 1992 chia cho bà Th. Gia đình bà Th sử dụng liên tục đến khi thu hồi. Đất sử dụng làm muối và đùng nuôi trồng thủy sản (việc khai phá và sử dụng đất không có giấy tờ gì).

Năm 1991, ông Phan Văn T (cha bà Th) có kê khai và đóng thuế nông nghiệp (được cấp sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp số 561/TNN ngày 01/12/1991 tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai) với diện tích kê khai là 101.800m^2 đất trồng cây hàng năm và 30.000m^2 đất trồng cây công nghiệp ngắn ngày tại thôn N, xã P. Tổng cộng là 131.800m^2 đất. Việc nộp thuế thực hiện từ năm 1992 đến khi bị thu hồi.

Năm 1996, bà Th có tên trong sổ mục kê, sổ địa chính, bản đồ địa chính. Theo hồ sơ địa chính năm 1996: Bà Th đứng tên thửa số 53 tờ bản đồ số 8 thị trấn P diện tích 14.462m^2.

Bà Th khẳng định đất của gia đình bà thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm a khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 6 Nghị định 22/1998/NĐ-CP. Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 6 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích Quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, có quy định: "Đất đã sử dụng ổn định trước ngày 08/01/1988 được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận"; khoản 7 Điều 6 Nghị định 22: "người nhận chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đất đó của người sử dụng thuộc đối tượng có đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 điều này nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ" và khoản 8 Điều 6 Nghị định 22 quy định: "Người tự khai hoang đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối trước ngày 15/10/1993 và liên tục sử dụng cho đến khi bị thu hồi đất, không có tranh chấp và làm đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho nhà nước" thì được đền bù (bồi thường) về đất.

Do vậy, việc sử dụng đất nông nghiệp nằm trong rừng phòng hộ đến năm 2011 mới cắm mốc thực địa rừng phòng hộ ven biển Long Hương - Mỹ Xuân) của bà Th đều đủ điều kiện được đền bù về đất khi thu hồi để xây dựng khu công nghiệp P 1.

Người bị kiện cho rằng đất của gia đình bà Th nằm trong dự án 595, nên không được bồi thường, nhưng cũng không cung cấp được Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố theo khoản 2 Điều 7 Nghị định 22; Quyết định 1814 ngày 25/12/1978 bản chính; quyết định bổ nhiệm bộ máy của Lâm trường C theo Điều 4 Quyết định 1814; Sơ đồ giao đất kèm theo Quyết định 1814; Quyết định thu hồi đất và Quyết định giao đất cho Lâm trường C.

Năm 1978 mới chỉ ban hành quyết định thành lập Lâm trường C chứ chưa có sơ đồ vị trí cụ thể, chưa cắm mốc thực địa. Đến năm 2011 mới xác định ranh giới đất rừng phòng hộ theo Quyết định 1009/QĐ-UB ngày 06/5/2011 và Quyết định số 993/QĐ-UB ngay 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Vì vậy, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa hủy bỏ các quyết định số 646/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số 1021/QĐ-BTNMT ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Buộc UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bồi thường diện tích đất thu hồi cho bà Th theo quy định.

Theo Văn bản số 8037/UBND-VP ngày 24/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện - UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:

Về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 646/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tổng diện tích đất 14.462m^2 đất tại thôn N, thị trấn P, huyện T mà bà Phan Thị Thanh Th khiếu nại có nguồn gốc do ông Phan Văn T (cha bà Th) canh tác sử dụng từ năm 1980. Năm 1991, ông Phan Văn T kê khai đăng ký và được cấp sổ kê khai và nộp thuế nông nghiệp.

Năm 1992, ông T qua đời, bà Nguyễn Thị K (mẹ bà Th) tiếp tục sử dụng và đến năm 1994, bà K chia đất cho các con trong đó có bà Phan Thị Thanh Th. Bà Th đứng tên trong hồ sơ địa chính năm 1996.

Ngày 09/01/2002, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Quyết định số 646/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí bồi thường cho 14.462m^2 đất của gia đình bà Th bị thu hồi làm Khu công nghiệp P 1, toàn bộ diện tích này chỉ được hỗ trợ 1000 đồng/m^2 với lý do đất của gia đình bà Th nằm trong dự án 595, thể hiện:

Ngày 25/12/1978, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định 1814 về việc thành lập lâm trường C. Quyết định 1814 đã căn cứ vào "quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai" chứ không phải không có quy hoạch.

Theo Quyết định 1814, cơ sở xác định đất rừng phòng hộ theo tọa độ, ranh giới, có diện tích từng khu vực. Thời điểm đó chưa thực hiện cắm ranh, cắm mốc,

chưa có bản đồ ranh giới rừng phòng hộ. Năm 2011 mới có sơ đồ cắm ranh theo Quyết định 1009 và năm 2012 có sơ đồ điều chỉnh theo Quyết định 993.

Tại Biên bản họp xét bổ sung tính pháp lý công trình Khu công nghiệp P (đợt 14) ngày 12/7/2012 của UBND thị trấn P và văn bản số 912/UBND-VP ngày 13/8/2013 của UBND huyện T xác định toàn bộ diện tích đất có khiếu nại của hộ bà Th có nguồn gốc sử dụng từ năm 1980 (sau thời điểm UBND tỉnh Đồng Nai thành lập lâm trường C). Bà Th đã sử dụng đất liên tục đến khi bị thu hồi, có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho nhà nước.

Ngày 23/4/2013, UBND huyện T có văn bản số 937/UBND báo cáo các nội dung liên quan đến khiếu nại của bà K và các con. Theo đó huyện T đã xác định rõ diện tích đất của các hộ dân có khiếu nại nằm trong ranh rừng phòng hộ bao nhiêu, và nằm ngoài rừng phòng hộ là bao nhiêu. Hộ bà Th có diện tích đất thu hồi là 14.462m^2 nằm hoàn toàn trong ranh giới đất rừng phòng hộ.

Căn cứ văn bản số 3582/UB-VP ngày 02/7/2004 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo, rà soát đề xuất UBND tỉnh xem xét việc đền bù hỗ trợ về đất cho những người bị thu hồi đất tại các khu công nghiệp huyện T (đất nằm trong rừng phòng hộ) với nội dung:

"7. Đối với trường hợp sử dụng đất ổn định trước ngày 25/12/1978 (ngày UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định thành lập lâm trường C) đến nay vẫn tiếp tục sử dụng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại về đất theo chính sách hiện hành.

2. Các trường hợp sử dụng đất sau ngày 25/12/1978 đến nay thì người sử dụng đất không đủ điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất".

Như vậy diện tích 14.462m^2 đất của bà Th nằm hoàn toàn trong rừng phòng hộ nên không được bồi thường là đúng.

Vì vậy, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th, giữ nguyên Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 09/01/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Theo Văn bản số 4220/BTNMT-Ttr ngày 18/8/2017 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện - Bộ Tài nguyên và Môi trường trình bày:

Tổng diện tích đất 14.462m^2 đất của bà Phan Thị Thanh Th bị thu hồi xây dựng khu công nghiệp P 1 có nguồn gốc do ông Phan Văn T (Cha bà Th) canh tác sử dụng làm muối và nuôi trồng thủy sản từ năm 1980, nằm trong diện tích đất Lâm trường C được thành lập từ năm 1978 theo Quyết định số 1814/QĐ-UBT Ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai và thuộc đất rừng phòng hộ ven biển Long Sơn - Mỹ Xuân được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác lập năm 1994.

Tại thời điểm gia đình ông T sử dụng đất năm 1980 đã có quyết định thành lập Lâm trường C, nên diện tích đất bà Th khiếu nại thuộc quyền quản lý của Lâm trường C theo quy định. Căn cứ Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ- CP ngày 24/4/1998 của Chính Phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất (Văn bản áp dụng tại thời điểm thu hồi đất) thì việc UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu không bồi thường giá trị quyền sử dụng cho bà Th, nhưng đã hỗ trợ bằng một lần giá đất nông nghiệp khi

thu hồi đất năm 1998 là đúng quy định pháp luật và thực tế tại địa phương.

Do vậy, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 1021/QĐ-BTNMT ngày 08/5/2017.

Theo Văn bản ý kiến số 6062/STNMT-CCQLĐĐ ngày 07/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày:

Qua rà soát đối với các trường hợp sử dụng đất của các hộ dân với ranh giới đất rừng phòng hộ, thì việc sử dụng đất của các hộ (có bà Phan Thị Thanh Th) là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sử dụng đất nằm trong ranh giới đất rừng phòng hộ đã được Nhà nước quản lý từ năm 1978 theo Quyết định số 1814/QĐ-UBT ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở UBND thị trấn P đã có Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 về việc thu hồi, hủy bỏ việc xác nhận của UBND thị trấn P đối với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các hộ dân không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ bà Th.

Do vậy, ngày 10/8/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Quyết định số 280/QĐ-STNMT về việc điều chỉnh số địa chính đối với 16 trường hợp (bổ sung) do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật, trong đó có hộ bà Th.

Như vậy, việc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 212/QĐ-STNMT và Quyết định số 280/QĐ-STNMT nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, hình thức và thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính.

Việc bà Th yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 212/QĐ-STNMT và Quyết định số 280/QĐ-STNMT là không có cơ sở, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 05/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Th đối với "Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 09/01/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù và các chính sách hỗ trợ khác cho bà Phan Thị Thanh Th để giải tỏa thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp P 1, huyện T; Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của bà Th (lần 1) đối với Quyết định 646; Quyết định số 1021/QĐ-UB ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết khiếu nại của bà Th (lần 2); Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 và Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND thị trấn P, Quyết định số 212/2015/QĐ-STNMT ngày 10/8/2015 và Quyết định số 280/2015/QĐ-STNMT ngày 21/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về việc điều chỉnh số địa chính đối với các trường hợp do UBND thị trấn P xác nhận nguồn gốc đất không đúng quy định của pháp luật, đối với diện tích đất rừng phòng hộ đứng tên bà Phan Thị Thanh Th".

Ngày 15/4/2019, bà Phan Thị Thanh Th có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, hủy Quyết định số

646/QĐ-UBND, Quyết định số 31/QĐ-UBND, Quyết định số 1021/QĐ-BTNMT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thị Thanh Th vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 646 chỉ hỗ trợ mà không bồi thường là không đúng; Quyết định số 646 ban hành không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ. Bà Th sử dụng đất ổn định, liên tục từ trước tháng 10/1993, không bị tranh chấp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho nhà nước nên không được bồi thường là gây thiệt hại cho bà. Quyết định số 31 giải quyết khiếu nại cho rằng diện tích đất bà Th sử dụng nằm trong diện tích đất rừng phòng hộ, trong khi đó năm 2011 mới được cắm mốc, sau thời gian bà Th sử dụng đất. Quyết định số 1021 lại công nhận Quyết định số 29 là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, hủy bỏ các quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày: Căn cứ Điều 28 Luật Đất đai, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành các quyết định đúng quy định pháp luật. Nguồn gốc đất của bà Th chỉ có giấy tờ chứng minh sử dụng từ năm 1980. Phần đất của bà Th nằm trong ranh giới rừng phòng hộ nên không thuộc trường hợp được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ khi thu hồi đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình bày: Về nội dung trả lời khiếu nại của bà Phan Thị Thanh Th, Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhầm lẫn trong việc đánh máy số quyết định từ 31 sang 29; về nội dung là đúng quy định pháp luật. Bộ Tài nguyên và Môi trường giữ nguyên quan điểm theo quyết định giải quyết khiếu nại và công văn trình bày ý kiến đã gửi cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.
- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Th là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Thanh Th nộp trong hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo. Bà Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc đề nghị hủy bỏ

Quyết định số 646/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Quyết định số 1021/QĐ-BTNMT ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường và buộc UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bồi thường diện tích đất thu hồi cho bà Th theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Th là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện.

Trong vụ án này, đối tượng khởi kiện là Quyết định số 646/QĐ-UB ngày 09/01/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số 1021/QĐ-BTNMT ngày 08/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có liên quan đến việc phê duyệt kinh phí đền bù khi thu hồi 14.462m^2 đất của gia đình bà Phan Thị Thanh Th để làm Khu công nghiệp P 1, huyện T. Đối với dự án này, ngày 20/10/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 949/QĐ-TTg về việc cho Công ty Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp P I. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 25/12/1978, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBT về việc thành lập Lâm trường C. Tại Quyết định này đã xác định cụ thể tổng diện tích đất rừng (17.978 ha, phần rừng sát có diện tích là 5.120ha), diện tích đất từng khu vực, với tọa độ, ranh giới cụ thể.

Tại thời điểm ban hành Quyết định 1814/QĐ-UBND năm 1978 chưa thực hiện cắm ranh, cắm mốc, chưa có bản đồ ranh giới rừng phòng hộ, đến năm1999 mới hoàn thành Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tỷ lệ 1/50.000, đến năm 2011 mới có sơ đồ cắm ranh theo Quyết định 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 và năm 2012 có sơ đồ điều chỉnh theo Quyết định 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, ranh giới rừng phòng hộ theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ tỷ lệ 1/5.000 kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 và Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dựa trên cơ sở tọa độ đã được xác định tại Bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tỷ lệ 1/50.000 lập năm 1999 và theo đúng với tọa độ, ranh giới đất rừng theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 25/12/1978 của UBND tỉnh Đồng Nai, được lồng ghép theo Sơ đồ ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh.

Theo Sơ đồ lồng ghép lập ngày 20/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thì toàn bộ diện tích đất thu hồi của bà Th thửa 53/14.290m^2 nằm trong ranh đất rừng phòng hộ, do nhà nước quản lý. Tuy nhiên,

cần làm rõ việc sử dụng đất của gia đình bà Th được xác lập trước hay sau thời điểm ban hành Quyết định số 1814/QĐ-UBT.

Bà Th trình bày Nhà nước thực tế không quản lý đất rừng phòng hộ từ năm 1978 cho đến khi thu hồi, mà đến năm 2011 mới bắt đầu quản lý theo Quyết định 1009/QĐ- UBND ngày 06/5/2011 và năm 2012 có sơ đồ điều chỉnh theo Quyết định 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Theo bà Nguyễn Thị K (mẹ bà Th) trình bày: theo cán bộ tra cứu Công an huyện T xác nhận: "Căn cứ Bản khai nhân khẩu NK1 năm 1976 có trong hồ sơ hộ khẩu, hộ bà K ông T có khai năm 1971 cư trú tại ấp N, xã P, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nghề nghiệp làm rẫy", như vậy đã chứng minh là gia đình bà K khai phá sử dụng đất từ thời điểm năm 1971.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định theo quy định của pháp luật đất đai, lời trình bày của bà K không phải là cơ sở để xác định tại thời điểm 1971 hộ bà K đã sử dụng diện tích đất bị thu hồi. Tuy nhiên, lời khai của bà K về việc gia đình bà đã sinh sống tại địa phường từ trước giải phóng phù hợp với việc ông Phan Văn T (chồng bà K) được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất vì đã có công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (BL203), và giấy chứng nhận ông Phan Văn T là thành viên Tổ chống Mỹ sáng lập năm 1972 tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai (BL 202). Ngoài ra, bà Th cũng xuất trình xác nhận của một số người dân sinh sống lâu năm tại địa phương xác nhận việc sử dụng đất của gia đình từ trước giải phóng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ: Trước giải phóng, gia đình ông T sinh sống tại địa phương bằng nghề nghiệp gì, sử dụng đất như thế nào, diện tích đất mà gia đình quản lý sử dụng qua các thời kỳ là bao nhiêu. Đây là những chứng cứ quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung.

[5] Trong khi có thiếu sót về thủ tục tố tụng, những vấn đề quan trọng về nội dung nêu trên chưa được thu thập để làm rõ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th là chưa có đủ căn cứ vững chắc, không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà Th nên cần thiết phải hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết lại vụ án từ cấp sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[6] Bà Phan Thị Thanh Th không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Thanh Th.

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết

lại vụ án từ cấp sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Bà Phan Thị Thanh Th không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại bà Th số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0008372 ngày 19/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Khởi **Lê Thành Văn** **Trần Thị Thu Thủy**